



1. Bà Nguyễn Thị T H, sinh năm 1960; Nơi cư trú: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Công ty TNHH Tâm H; Địa chỉ đăng ký kinh doanh: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ liên lạc: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Bà Nguyễn Thị T H, Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tâm H. Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Trần Khánh L, Luật sư, Công ty Luật TNHH L; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Chị Trần Thị T M, sinh năm 1974; Nơi cư trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

2. Chị Nguyễn Trần Ngọc H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

3. Chị Lương Thị Thu T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

4. Chị Nguyễn Thị T T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

5. Chị Phan Thị N; Nơi cư trú: N: Đã chết ngày 20/9/2015;

6. Ngân hàng TMCP X Việt Nam; Địa chỉ: Thành phố Hà Nội;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Phan Thúy H được tuyển vào làm việc tại Công ty TNHH Tâm H từ ngày 01/9/2008 và được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty từ ngày 16/11/2008. Trong thời gian làm kế toán trưởng, Phan Thúy H lợi dụng sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị T H (Giám đốc Công ty TNHH Tâm H) đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 6.877.269.419đ, trong đó có 5.211.195.126đ của Công ty TNHH Tâm H và 1.666.074.293đ của cá nhân bà Nguyễn Thị T H. Cụ thể:

Vụ số 1: Ngày 18/12/2009, được bà H ủy quyền, H đã tắt toán 03 thẻ tiết kiệm số 124010012958432, 124010012958654 và số 124010012958562 do bà H mở ngày 17/12/2009 tại Ngân hàng Z Khánh Hòa, được số tiền 1.000.066.666đ. Ngay trong ngày, H rút 1.000.000.000đ trong số tiền trên nhưng không đem về nhập quỹ Công ty TNHH Tâm H mà chiếm đoạt.

Vụ số 2: Lấy lý do trả nợ vay của bà Nguyễn Thị T H đối với các cán bộ Ngân hàng Z, Khánh Hòa theo phiếu chi số 71/7 lập ngày 10/7/2010, H đã chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000đ.

Vụ số 3: Ngày 25/02/2009, H làm thủ tục tắt toán thẻ tiết kiệm số 206747

của bà Nguyễn Thị T H tại Ngân hàng X Khánh Hòa với số tiền 250.458.500đ sau đó nộp vào tài khoản số 60110000208062 của Công ty TNHH Tâm H mở tại Ngân hàng Y Khánh Hòa số tiền 250.000.000đ, số tiền còn lại 458.500đ, H chiếm đoạt.

Vụ số 4: Ngày 27/4/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 356916 của bà H tại Ngân hàng X Khánh Hòa rút được 50.048,76 USD, H mở lại thẻ tiết kiệm mới mang tên bà H tại Ngân hàng này với số tiền 30.048,76 USD và chiếm đoạt 20.000 USD trị giá 355.620.000đ (theo tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm tháng 4/2009).

Vụ số 5: sau khi nhận 300.000.000đ tại Ngân hàng X theo Hợp đồng ứng vốn số 043/2009/HĐUV ngày 04/3/2009, H gửi vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng Z Khánh Hòa 120.000.000đ, nhập quỹ công ty 50.000.000đ (theo phiếu thu số 03/3 ngày 04/3/2009), đưa cho bà H 120.000.000đ; Còn lại 10.000.000đ H chiếm đoạt;

Vụ số 6: Ngày 26/02/2010, H làm thủ tục tắt toán thẻ tiết kiệm số 776308 của bà H rút được số tiền 504.518.681đ, thanh toán cho Hợp đồng ứng vốn số 60/2010/HĐUV ngày 11/02/2010 tại Ngân hàng X Khánh Hòa số tiền 503.333.333đ, còn lại số tiền 1.185.3,48đ, H chiếm đoạt.

Ngày 03/3/2010, H làm thủ tục ứng vốn 300.000.000đ tại Ngân hàng X Khánh Hòa (không có hợp đồng) về nhập quỹ Công ty (theo phiếu thu số 3/3 ngày 03/3/2010), sau đó trả lại cho Ngân hàng số tiền trên và nộp 100.000đ tiền phí kiểm đếm cho Ngân hàng.

Ngày 04/3/2010, H chỉ đạo lập phiếu chi số 19/3 với số tiền 800.932.000đ để quyết toán chung cho các hợp đồng ứng vốn số 64 ngày 26/02/2010 trị giá 100.000.000đ, số 65 ngày 27/02/2010 trị giá 100.000.000đ, số 67 ngày 02/3/2010 trị giá 100.000.000đ, số 68 ngày 02/3/2010 trị giá 200.000.000đ và khoản tiền ứng vốn ngày 03/3/2010 nói trên, H đã chiếm đoạt số tiền chênh lệch 9.778đ.

Vụ số 7: Ngày 21/9/2009, H tắt toán 02 thẻ tiết kiệm số 504194 và 504174 của bà H tại Ngân hàng X Khánh Hòa rút được 1.007.078.400đ, sau đó H lấy 1.000.000.000đ mở 02 thẻ tiết kiệm mới mang tên bà H tại Ngân hàng Ngoại thương N, số còn lại 7.078.400đ H chiếm đoạt.

Ngày 22/9/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 656185 của bà H tại Ngân hàng Ngoại thương Khánh Hòa rút được 500.117.000đ, H chuyển cho bà Nguyễn Thị Diệu N, trú tại Thành phố Hồ Chí Minh (là người bán đất cho bà H) số tiền 500.000.000đ và trả 46.000đ phí chuyển tiền; số còn lại 71.000đ, H chiếm đoạt.

Vụ số 8: Ngày 02/10/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 660677 của bà H tại

Ngân hàng Ngoại, thương N rút được 500.351.250đ, H đưa cho bà H 500.000.000đ, còn 351.250đ, H chiếm đoạt.

Vụ số 9: Ngày 18/12/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 15361093 của bà H tại V Khánh Hòa rút được 500.166.667đ, sau đó H nộp vào tài khoản của Công ty TNHH Tâm H mở tại Ngân hàng Z Khánh Hòa 250.000.000đ, nộp quỹ Công ty 150.000.000đ (theo Phiếu thu số 144/12) và chiếm đoạt số còn lại là 100.166.667đ.

Vụ số 10: Ngày 02/6/2010, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 17890476 tại V Khánh Hòa rút được 200.033.333đ, sau đó mở thẻ tiết kiệm mới mang tên bà H tại Ngân hàng nói trên số tiền 200.000.000đ và chiếm đoạt số tiền 33.333đ.

Vụ số 11: Ngày 28/4/2010, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 17238043 của bà H tại V Khánh Hòa được số tiền 300.325.000đ, H đưa cho bà H 300.000.000đ và chiếm đoạt 325.000đ.

Vụ số 12: Ngày 30/11/2009, H tắt toán 03 thẻ tiết kiệm số 15069309, 150669325 và số 150669376 của bà H tại V Khánh Hòa rút được số tiền 1.100.458.333đ. Sau đó, H mở lại các thẻ tiết kiệm số 15135115, 15135239 và số 15135174 mang tên bà H với số tiền 1.100.000.000đ, số tiền 458.333đ H sử dụng cho cá nhân.

Ngày 02/12/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 15135115 của bà H tại V Khánh Hòa rút được số tiền 300.050.000đ. Sau đó, H mở lại thẻ tiết kiệm mới số 15171634 tại Ngân hàng nói trên mang tên bà H với số tiền 100.000.000đ và chiếm đoạt số tiền còn lại là 200.050.000đ.

Ngày 14/12/2009, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 15135239 của bà H tại V Khánh Hòa rút được số tiền 500.583.333đ; H mở lại thẻ tiết kiệm mới số 15361093 tại cùng Ngân hàng mang tên bà H với số tiền 500.000.000đ và chiếm đoạt số tiền còn lại là 583.333đ.

Ngày 02/01/2010, H tắt toán thẻ tiết kiệm số 15171634 của bà H tại V Khánh Hòa rút được số tiền 100.878.477đ. Sau đó, H nhập quỹ Công ty số tiền 100.000.000đ (theo Phiếu thu số 01/1 ngày 04/01/2010) và chiếm đoạt số tiền còn lại là 878.477đ.

Vụ số 13: Sau khi nhận số tiền 1.000.000.000đ của ông Lương Phan S (trú tại N) cho Công ty TNHH Tâm H vay theo Hợp đồng ngày 17/12/2009, H không nộp quỹ mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ số 14: Với thủ đoạn lập không phiếu chi số 28/6 ngày 06/6/2009 ghi tên người nhận tiền là Hoàng Thị H1 với nội dung “Chi tiền lãi cho anh S” và “Giấy nhận tiền” cùng ngày, H chiếm đoạt của Công ty số tiền 200.000.000đ.

Vụ số 15: Ngày 16/11/2009, Công ty TNHH Tâm H ký hợp đồng vay của

ông Lương Phan S số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất 2,8%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Tới ngày 16/11/2009, bà Nguyễn Thị T H và ông Phan Ngọc T (anh của bị cáo) đã trực tiếp nhận số tiền trên tại nhà ông S. Sáng ngày 17/11/2009, ông T giao số tiền trên cho H để nhập quỹ Công ty TNHH Tâm H nhưng H không thực hiện mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Lời khai của bị cáo:

Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo khai: Trước đây, bà Nguyễn Thị T H chung sống như vợ chồng với ông Phan Ngọc T (anh ruột của bị cáo) nên bị cáo có mối quan hệ thân thiết với bà H và được bà H bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của Công ty TNHH Tâm H với công việc được giao là theo dõi các nguồn tiền ra, vào của Công ty. Trong, quá trình làm việc ở Công ty TNHH Tâm H, bị cáo nhiều lần được bà Nguyễn Thị T H (Giám đốc công ty) ủy quyền (có khi bằng ủy nhiệm chi, có khi chỉ ủy quyền bằng miệng) để thực hiện các giao dịch gửi tiền, rút tiền của Công ty cũng như của cá nhân bà H tại các Ngân hàng như bản Cáo trạng đã nêu. Khi thực hiện việc gửi, rút tiền tại ngân hàng, bà H điện thoại liên hệ với các ngân hàng trước để bị cáo đến lấy các giấy tờ theo mẫu của Ngân hàng về cho bà H ký vào các giấy yêu cầu rút tiền và mặt sau của các thẻ tiết kiệm sau đó bị cáo đến Ngân hàng trực tiếp thực hiện các giao dịch gửi hoặc rút tiền. Riêng trường hợp vụ số 3 và vụ số 6 bị cáo không nhớ vì sao bà H không ký tên tại giấy rút tiền, bảng kê tiền lĩnh tại Ngân hàng X nhưng việc tắt toán thẻ và việc cho bị cáo rút tiền đều có sự đồng ý của bà H, được trưởng phòng giao dịch Ngân hàng xác nhận trước qua điện thoại với bà H. Tất cả các giao dịch về gửi, rút tiền do bị cáo thực hiện được nêu trong Cáo trạng bị cáo đều thực hiện theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T H. Sau khi rút tiền về bị cáo đều đưa cho bà H, nộp vào tài khoản của Công ty TNHH Tâm H hoặc nhập quỹ Công ty TNHH Tâm H. Việc giao tiền cho bà H được bị cáo ghi trong sổ tay của bị cáo và thường được bà H ký xác nhận. Tuy nhiên, cũng có trường hợp do bà H vội đi công tác nên không ký xác nhận cho bị cáo, có trường hợp việc giao tiền không được bị cáo ghi chép rõ ràng, cụ thể về số tiền giao cho bà H và có trường hợp bị cáo có sai sót về nghiệp vụ kế toán nhưng bị cáo không chiếm đoạt khoản tiền nào của Công ty TNHH Tâm H, cũng không chiếm đoạt tiền của cá nhân bà H.

Trong đó: số tiền 01 tỉ đồng được bị cáo thực hiện việc mở các thẻ tiết kiệm số 124010012958432, 124010012958654, 124010012958562 ngày 17/12/2009 tại Ngân hàng Z Khánh Hòa mang tên bà H là tiền bị cáo được bà H đưa và nói với bị cáo đây là tiền của Công ty TNHH Tâm H vay của ông Lương Phan S. Ngoài khoản tiền này, ngày 17/12/2009, bị cáo không nhận từ bà H khoản tiền nào khác nên bị cáo không chiếm đoạt tiền của cá nhân bà H như truy tố của Viện kiểm sát ở vụ số 01.

Về số tiền bị truy tố ở vụ số 02: Để thực hiện việc đảo nợ các khoản nợ 5,9 tỉ đồng của Công ty TNHH Tâm H tại các Ngân hàng trong khi quỹ tiền mặt của Công ty chỉ còn 900.000.000đ, Công ty TNHH Tâm H phải vay của ông Lê Văn C (Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Z Khánh Hòa) số tiền 02 tỉ đồng bằng phương thức: Bà Nguyễn Thị Ánh T (nhân viên của Ngân hàng Z - Chi nhánh Khánh Hòa) thế chấp sổ tiết kiệm của ông C vay 02 tỉ đồng của Ngân hàng Z Khánh Hòa. Sau đó bị cáo làm giấy nộp số tiền vào tài khoản của Công ty nên việc vay mượn không thể hiện bằng giấy tờ gì và khi bị cáo nhận số tiền 02 tỉ đồng theo phiếu chi số 71/7 ngày 10/7/2010 để đưa cho bà T để trả khoản nợ vay, nói trên của Công ty TNHH Tâm H đối với ông C thì cũng không có giấy tờ, tài liệu gì về việc giao nhận tiền.

Số tiền 458.500đ bị truy tố ở vụ số 3 và 7.149.400đ bị truy tố ở vụ số 7 bị cáo đã đưa cho bà H nhưng không có giấy tờ, tài liệu nào ghi nhận.

Số tiền 20.000USD ở vụ số 04 (được bị cáo rút tại Ngân hàng X vào ngày 27/4/2009 theo yêu cầu của bà H) bị cáo đã đưa cho bà H và có ghi trong sổ tay của bị cáo nhưng do bà H vội đi Hà Nội nên không ký xác nhận. Đến đầu tháng 5/2009, bị cáo rút tiếp 30.000USD và 01 triệu tiền lãi về giao cho bà H thì bà H ký xác nhận ở dưới trong cùng cuốn sổ tay của bị cáo và nói với bị cáo việc ký xác nhận này là đã xác nhận chung cho cả khoản tiền 20.000USD nói trên.

Về khoản tiền ở vụ số 05: Do không ghi chép rõ ràng nên bị cáo không nhớ khoản tiền 10.000.000đ được sử dụng như thế nào.

Ở vụ số 06: Khoản tiền 9.778đ bị cáo không nhớ đã sử dụng thế nào. số tiền 1.185.348đ bị cáo đã đưa cho bà H và được bà H để lại làm quỹ Văn phòng Công ty nhưng bị cáo không ghi vào sổ sách.

Vụ số 8: Số tiền 500.351.250đ bị cáo đã đưa cho bà H nhưng chỉ ghi trong sổ tay cho bà H ký xác nhận số tiền 500.000.000đ nên không có tài liệu gì chứng minh việc giao số tiền 351.250đ cho bà H.

Vụ số 09 và vụ số 13: Ngày 18/12/2009, bị cáo tắt toán thẻ tiết kiệm của bà H tại Ngân hàng V được số tiền 500.166.667đ; Cùng trong ngày đó, bị cáo còn rút 1 tỉ đồng trong tài khoản của bà H tại Ngân hàng Z (là tiền Công ty TNHH Tâm H vay của ông Lương Phan S). Bị cáo nộp vào tài khoản của Công ty TNHH Tâm H tại Ngân hàng Z Khánh Hòa số tiền 250.000.000đ, đưa cho bà H 1.250.000.000đ, bà H đưa lại cho bị cáo 150.000.000đ để nộp quỹ Công ty. Việc nộp tiền vào tài khoản Công ty và nộp quỹ Công ty có Giấy nộp tiền và có Phiếu thu. Việc bị cáo giao tiền cho bà H được bị cáo ghi vào sổ tay, bà H không ký xác nhận do vội đi công tác nhưng có chị Võ Thị Hoài H là thủ quỹ chứng kiến và ký xác nhận.

Vụ số 10: Số tiền 33.333đ bị cáo không nhớ có đưa cho bà H hay không.

Vụ số 11 và vụ số 12: Sau khi tất toán các thẻ tiết kiệm của bà H, bị cáo đã đưa toàn bộ số tiền rút được cho bà H nhưng khi ghi trong sổ tay cho bà H ký xác nhận bị cáo chỉ ghi số tiền gốc trong các thẻ tiết kiệm nên không chứng minh được việc giao khoản tiền lãi (325.000đ, 458.333đ và 583.333đ). Khoản tiền 200.050.000đ trong sổ tiền bị cáo rút thẻ tiết kiệm của bà H tại V, ngày 02/12/2009 bị cáo đã đưa cho bà H nhưng bà H không ký xác nhận cho bị cáo. Khoản tiền 878.477đ bị cáo sử dụng để trả khoản lãi trước đó Công ty vay nhưng không có chứng từ chứng minh.

Vụ số 14: Việc bị cáo viết giấy nhận tiền đứng tên ông Lương Phan S nhận khoản lãi vay và lập phiếu chi tiền cho người nhận là Hoàng Thị H1 là theo chỉ đạo của bà H, bị cáo không nhận số tiền ở phiếu chi này.

Vụ số 15: Từ trước đến nay bị cáo chỉ nhận 01 lần tiền từ ông Phan Ngọc T vào ngày 09/12/2009 với số tiền 1,8 tỉ đồng. Bị cáo không nhận 02 tỉ đồng và không chiếm đoạt 02 tỉ đồng như Cáo trạng truy tố.

#### **Lời khai của bị hại:**

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T H trình bày: Quan hệ giữa bà với bị cáo đúng như bị cáo trình bày. Trong thời gian Phan Thúy H làm kế toán trưởng của Công ty TNHH Tâm H và trợ lý tài chính cho bà, H đã lợi dụng quyền hạn, trách nhiệm được giao để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH Tâm H và của cá nhân bà.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2011 (các bút lục số 12, 13, 14, 15 tập số 12), bà H trình bày: Bà chưa bao giờ trực tiếp đến các ngân hàng để thực hiện các giao dịch rút tiền, gửi tiền mà giao cho nhân viên của Công ty TNHH Tâm H thực hiện. Trước khi Phan Thúy H được tuyển làm kế toán ở Công ty thì do Nguyễn Thị T T (Phó Giám đốc Công ty) thực hiện; Sau này do Phan Thúy H trực tiếp đến Ngân hàng rút tiền thẻ tiết kiệm của bà và thực hiện các giao dịch khác liên quan đến thẻ tiết kiệm. Cụ thể: Chị Nguyễn Thị T T hoặc chị Nguyễn Thị Hà Trang (nhân viên Công ty) trực tiếp đến các Ngân hàng xin các giấy tờ, hồ sơ đăng ký mở thẻ tiết kiệm về đưa cho bà ký tên, khai báo thông tin theo mẫu để chị T (hoặc Trang) hoàn tất thủ tục mở thẻ. Khi rút tiền cũng do các nhân viên của Công ty thực hiện. Bị cáo Phan Thúy H vào làm việc tại Công ty TNHH Tâm H theo Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng do bà ký ngày 16/11/2008. Khi có nhu cầu rút tiền thì H sẽ báo với bà đồng thời đưa các giấy rút tiền tiết kiệm hoặc giấy gửi tiền tiết kiệm còn trống để bà ký nhận vào cột “người nhận tiền” hay “người gửi tiền”. Sau đó H đưa các chứng từ trên đến Ngân hàng để làm thủ tục rút tiền hoặc gửi tiền. Thông thường trước khi rút tiền, H đề nghị bà gọi điện trước cho Ngân hàng cần rút tiền để xác nhận việc bà (chủ thẻ) cần rút tiền nhưng cũng có trường hợp không cần gọi vì trước đó Ngân hàng đã nhiều lần gọi xác nhận các lần rút tiền trước. Ngoài ra, vì hay đi công

tác và tin tưởng bị cáo Phan Thúy H (là em của ông Phan Ngọc T - người có quan hệ tình cảm với bà) nên bà giao cho bị cáo mọi việc liên quan đến quản lý tài chính của Công ty. Bà đã ký không một số giấy rút tiền tiết kiệm và một số giấy tờ khác (lệnh chi tiền, giấy lĩnh tiền mặt, bảng kê chi tiền, giấy ủy nhiệm chi, các tờ giấy A4) để bị cáo có thể rút tiền lo chi phí, giải quyết các hoạt động của Công ty khi bà đi vắng.

Tại phiên tòa, bà H cho là tại cơ quan điều tra, điều tra viên đưa cho bà ký một lúc nhiều tờ nên không đọc lại biên bản và không biết biên bản ghi không đúng lời trình bày của bà. Biên bản ghi lời khai có chứng kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà là biên bản có nội dung ghi đúng lời trình bày của bà.

Tại Biên bản ghi lời khai có chứng kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà vào ngày 25/11/2011 (bút lục số 24, 25, 26, 27 tập 12) bà H khai: Khi cần mở tài khoản cho Công ty TNHH Tâm H hoặc của cá nhân bà thì kế toán của -Công ty sẽ đến ngân hàng lấy hồ sơ mở tài khoản đem về đưa cho bà ký theo đúng thủ tục, sau đó kế toán đem đến ngân hàng để đăng ký. Khi cần rút tiền thì bà sẽ ký vào các mẫu đề nghị rút của ngân hàng và đưa cho kế toán đi cùng thủ quỹ đến ngân hàng rút tiền. Cũng như việc mở tài khoản, bà không trực tiếp đến ngân hàng để mở các thẻ tiết kiệm mà giao cho nhân viên Công ty đến ngân hàng lấy hồ sơ đăng ký đem về cho bà ký, kể cả việc đăng ký chữ ký mẫu. Sau đó nhân viên sẽ đem tiền cùng giấy tờ bà đã ký đến ngân hàng nộp tiền và nhận thẻ. Vì tin tưởng Phan Thúy H nên trước khi đi công tác ở nước ngoài bà thường ký không một số giấy tờ (lệnh chi tiền, giấy lĩnh tiền mặt, bảng kê chi tiền, giấy ủy nhiệm chi, các tờ giấy A4) giao cho H để H đi rút tiền lo chi phí cho hoạt động của Công ty.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T H còn khai: Phan Thúy H được tuyển vào làm kế toán trưởng của Công ty TNHH Tâm H và được giao nhiệm vụ quản lý sổ sách thu chi của Công ty, không được giao nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến tiền bạc nhưng Phan Thúy H đã gian dối và tự ý thực hiện việc rút tiền, gửi tiền và lập các chứng từ không để chiếm đoạt tiền của cá nhân bà và Công ty TNHH Tâm H. Các khoản tiền tại các thẻ tiết kiệm đứng tên cá nhân bà được nêu trong Cáo trạng ở các vụ số 1, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12 là tiền của cá nhân bà. Các khoản tiền trong các vụ còn lại (vụ số 02, 05, 06, . 13, 14, 15) nêu tại Cáo trạng là tiền của Công ty TNHH Tâm H. Bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho cá nhân bà và Công ty TNHH Tâm H theo quy định của pháp luật. Bà không ký nhận tiền từ bị cáo như bị cáo trình bày, các chữ ký trong sổ tay của bị cáo không phải là chữ ký của bà và không phải là căn cứ xác định bà đã nhận tiền từ bị cáo như bị cáo trình bày. số tiền 1 tỉ đồng tại các thẻ tiết kiệm tiền gửi mang tên bà mở tại Ngân hàng Z vào ngày 17/12/2009 là tiền của cá nhân bà) do bà



cùng nhân viên của bà (không nhớ là ai) trực tiếp đến Ngân hàng giao dịch và không phải là tiền do Công ty vay của ông Lương Phan S. Khoản tiền 02 tỉ đồng vay của ông Lương Phan S vào ngày 16/11/2009 được bà nhận trực tiếp từ nhà ông S. Khi đến nhận tiền bà đi cùng ông Phan Ngọc T và nhờ ông T giao lại cho Phan Thúy H để nhập quỹ. Trưa ngày 17/11/2009, bà có điện hỏi ông T và bị cáo H thì ông T và bị cáo đều xác nhận việc ông T đã đưa tiền cho H. Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà và Công ty TNHH Tâm H như Cáo trạng nêu là đúng nhưng chưa đủ, bị cáo còn chiếm đoạt nhiều khoản khác như trong các đơn tố cáo bà đã gửi các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng không được cơ quan điều tra làm rõ, không được Viện kiểm sát truy tố.

***Lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Chị Lê Thị Thu T (nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần X) trình bày tại cơ quan điều tra: Bà Nguyễn Thị T H là khách hàng VIP (khách hàng thường xuyên có những giao dịch với khoản tiền lớn) nên khi Phan Thúy H đến thực hiện việc tắt toán các thẻ tiết kiệm do bà H là chủ thẻ mà không có văn bản ủy quyền nhưng chị vẫn phê duyệt và chỉ đạo cho nhân viên thực hiện việc tắt toán các thẻ tiết kiệm mang tên bà H. Tuy nhiên, trước khi phê duyệt chị đều có trao đổi bằng điện thoại cho bà H, được bà H xác nhận việc đồng ý để Phan Thúy H tắt toán các thẻ tiết kiệm, nhận tiền thay cho bà H.

Bà Thái Thị Hồng Trang (Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Khánh Hòa) trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/7/2014 và Văn bản số 1182/2014/CV-MSBKH ngày 07/8/2014 (bút lục số 1358, 1360 tập 19): Do các nhân viên của Ngân hàng không thực hiện đúng các quy định của ngành Ngân hàng về việc cho Phan Thúy H tắt toán các thẻ tiết kiệm của bà Nguyễn Thị T H nên các nhân viên của Ngân hàng này đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 349.713.500đ để khắc phục hậu quả. Trong đó 100.000.000đ theo Biên bản giao nộp tài liệu đồ vật ngày 21/7/2014 (bút lục số, 1363 tập 19) để khắc phục cho việc tắt toán thẻ số 356381 ngày 14/3/2009; Số tiền 249.576.000đ (theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 07/8/2014 - bút lục 1367 tập 19) gồm: 249.255.000đ để khắc phục khắc phục 70% thiệt hại của 20.000USD (tương ứng 355.620.000đ) do việc tắt toán thẻ số 356916 ngày 27/4/2009 (ở vụ số 4); 458.500đ để khắc phục thiệt hại do việc tắt toán thẻ tiết kiệm số 206747 ngày 25/02/2009 (ở vụ số 03).

Bà Lê Thị Thu T (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam) trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 04/4/2019: Tất cả các giao dịch rút tiền của bà Nguyễn Thị T H tại Ngân hàng X đều do Phan Thúy H thực hiện theo ủy quyền của bà H. Trong đó các giao dịch ban đầu bà H có giấy ủy quyền, giao dịch sau đó không có giấy ủy quyền nhưng đều được các nhân viên Ngân hàng gọi điện cho bà H và được bà H xác nhận. Vì vậy, Ngân

hàng X yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền 349.713.500đ. Ngân hàng X đã nộp cho cơ quan điều tra được cơ quan điều tra chuyển vào tài khoản của bà H để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, chị Trần Thị T M (nhân viên Ngân hàng V) trình bày: Khi Phan Thúy H đến Ngân hàng V để tắt toán các thẻ tiết kiệm mang tên bà Nguyễn Thị T H, qua kiểm tra thấy có đầy đủ chữ ký của chủ thẻ chị đã phê duyệt cho tắt toán các thẻ tiết kiệm này.

Chị Nguyễn Thị T T (nhân viên Ngân hàng V) trình bày: Việc cho H (không phải là chủ thẻ) tắt toán thẻ tiết kiệm số 15361093 (vụ số 9), các thẻ số 15135115, 15135239 (vụ số 12) là không đúng nhưng do trước đó chị Trần Thị T M chỉ đạo phê duyệt cho H tắt toán thẻ của bà H nên chị đã phê duyệt tắt toán các thẻ tiết kiệm nói trên.

Chị Nguyễn Trần Ngọc H (nhân viên Ngân hàng V) trình bày tại cơ quan điều tra: Bà H là chủ thẻ số 17890476 (vụ số 10), thẻ số 17238043 (vụ số 11), các thẻ số 15069309, 150669325 và 150669376 (vụ số 12) không trực tiếp đến Ngân hàng giao dịch nhưng vì là khách hàng quen, đã ký tên trong các chứng từ mẫu của Ngân hàng, theo chỉ đạo của trưởng phòng giao dịch (Trần Thị T M) chị đã phê duyệt cho H thực hiện tắt toán các thẻ tiết kiệm này.

Chị Phan Thị N trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/9/2011 (bút lục số 85, 86 tập 11) và tại các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/9/2011 và ngày 25/10/2011 (bút lục số 107, 108 tập 1): Chị là chị của Phan Thúy H, số tiền 100.000.000đ chị nộp cho cơ quan điều tra là khoản tiền trước đây chị mượn của Phan Thúy H.

Lời khai những người làm chứng:

Anh Phạm Duy P trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2019 (bút lục số 3691): Trong thời gian làm kế toán tại Công ty TNHH Tâm H (từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010) anh có lập các phiếu chi số 58, 59, 60, 61, 62 ngày 08/7/2010 và số 71 ngày 10/7/2010. Việc lập các phiếu chi trên là theo chỉ đạo của Phan Thúy H (kế toán trưởng) còn việc chi tiền do thủ quỹ thực hiện nên anh không biết cụ thể về số tiền thực chi theo các phiếu chi này.

Chị Võ Thị Hoài H khai tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2018 và tại phiên tòa ngày 28/7/2016: Tại thời điểm làm thủ quỹ của Công ty TNHH Tâm H chị có cập nhật sổ quỹ tiền mặt đối với các khoản chi trên theo phiếu chi do anh Phạm Duy P (kế toán) lập nhưng chỉ để hoàn thiện chứng từ mà không xuất tiền mặt từ quỹ Công ty cho các phiếu chi này. Việc nhận và sử dụng các khoản tiền này như thế nào chỉ Phan Thúy H và bà Nguyễn Thị T H (giám đốc Công ty) biết. Chữ ký của chị trong sổ tay cá nhân của Phan Thúy H dưới nội dung bị cáo ghi nhập quỹ và đưa tiền cho chị H chỉ là việc chị xác nhận số tiền bị cáo đưa

cho chị để nhập quỹ công ty. Việc giao tiền giữa bị cáo với bà Nguyễn Thị T H (ở vụ số 9 và vụ số 13) như thế nào chị không rõ và không xác nhận.

Bà Nguyễn Thị Ánh T khai (về nội dung liên quan đến vụ số 2): Bà là nhân viên Ngân hàng Z chi nhánh Khánh Hòa. Bà biết bị cáo Phan Thúy H qua các lần bị cáo thực hiện các giao dịch với Ngân hàng ngoài ra không có mối quan hệ nào, không nhận từ bị cáo H bất cứ khoản tiền nào.

Ông Lê Văn C trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2019 {bút lục số 3695}: Năm 2010 (khi ông là Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Z - Chi nhánh Khánh Hòa), bà Nguyễn Thị T H - đại diện Công ty TNHH Tâm H có đến Ngân hàng Z vay tiền. Ngoài ra, cá nhân ông không cho bà H vay khoản tiền nào, không có việc ông đưa sổ tiết kiệm cho bà T để thế chấp vay 02 tỉ đồng.

Bà Hoàng Thị H1 trình bày (về nội dung liên quan đến vụ số 14): Bà không nhận khoản tiền từ phiếu chi số 28/6 ngày 06/6/2009.

Chị Huỳnh Thị Bích T trình bày tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa trước đây: Trong thời gian làm thủ quỹ của Công ty TNHH Tâm H chị chỉ đi xuất chi tiền cho người có tên trên phiếu chi. Trong đó, chị đã xuất chi cho Phan Thúy H số tiền 800.932.000đ tại Phiếu chi số 19/3 ngày 04/3/2010 (vụ số 06), 542.266.000đ tại Phiếu chi số 69.2 ngày 22/02/2010 theo Giấy đề nghị thanh toán của Phan Thúy H (vụ số 13).

Về số tiền 200.000.000đ tại Phiếu chi số 28/6 ngày 06/6/2009 (ở vụ số 14) do bị cáo Phan Thúy H lập phiếu, người nhận tiền ghi trên phiếu là Hoàng Thị H1. Tại phiên tòa ngày 27/8/2013, chị T khai chị không chi tiền cho bị cáo, chỉ chi tiền cho người có tên trên phiếu chi. Tại phiên tòa ngày 04/6/2014, chị T khai số tiền này được chị cho bị cáo H (do H đã nhận tiền trước). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2019 (bút lục số 3693, 3694), chị T khai số tiền này không được chi ra từ quỹ tiền mặt của Công ty TNHH Tâm H và khai: Ngày 06/6/2009, Phan Thúy H nói chị H nhập quỹ Công ty số tiền 2 tỉ đồng và đưa cho chị 1,8 tỉ đồng kèm phiếu chi số 28/6 với số tiền 200.000.000đ cùng Giấy nhận tiền của ông Lương Phan S. Thời gian này, Công ty có vay tiền của ông S nên chị tin tưởng số tiền ghi trên phiếu chi là để trả lãi vay cho ông S nên ký tên dưới mục “Thủ quỹ”, sau đó bà H kiểm tra chứng từ và ký tên dưới mục “Thủ trưởng”.

Bà Nguyễn Thị Diệu N trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 02 năm 2012 (Bút lục số 215 tập 2): Tháng 9/2009, bà có gặp bà Nguyễn Thị T H để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà đã được nhận tiền mặt từ việc chuyển nhượng với số tiền 150.000.000đ. Ngày 22/9/2009 bà nhận được số tiền 500.000.000đ dưới hình thức chuyển khoản (Vụ số 7).

Ông Lương Phan S khai: Ông nhiều lần cho Công ty TNHH Tâm H vay tiền, cụ thể từng lần vay, trả lãi ông không nhớ. Thông thường, đến ngày trả lãi thì nhân viên của Công ty (bị cáo H) mang tiền đến nhà trả cho ông và đưa giấy tờ cho ông ký nhận. Chữ ký trong Giấy nhận tiền đối với khoản tiền ghi trả lãi vay với số tiền 200.000.000d (ở vụ số 14) không phải chữ ký của ông, ông không nhận số tiền này. Trong các lần Công ty TNHH Tâm H vay tiền của ông, có một lần bà Nguyễn Thị T H cùng ông Phan Ngọc T đến nhà ông để lấy tiền vay.

Ông Phan Ngọc T khai tại phiên tòa ngày 17/5/2019: Ông là anh ruột của bị cáo Phan Thúy H và là người đã từng chung sống với bà Nguyễn Thị T H. Có một lần duy nhất ông đi cùng với bà Nguyễn Thị T H đến nhà ông Lương Phan S để nhận khoản tiền Công ty TNHH Tâm H vay. Sau đó, bà H đưa khoản tiền này cho ông để ông giao lại cho bị cáo Phan Thúy H. Ông đã giao lại toàn bộ số tiền này cho H nhưng không nhớ thời gian và không rõ số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Tại Bản tường trình ngày 03/7/2011 (bút lục số 431 tập 3), lời khai ngày 16/6/2011 tại cơ quan điều tra (bút lục số 450 tập 3), tại phiên tòa ngày 04/6/2014 (bút lục số 1154, 1155), ông T xác định việc bà H nhận tiền vay tiền của ông S vào ngày 16/11/2009, ngay sáng hôm sau (17/11/2009) ông đã đưa số tiền trên cho H để nhập quỹ (ông không trực tiếp đếm tiền nhưng bà H có nói số tiền là 02 tỉ). Sau khi giao tiền cho H, bà H- có gọi điện hỏi ông và H về việc giao nhận khoản tiền này, ông đã báo lại cho bà H là đã giao tiền cho H.

Các Kết luận giám định và Sao kê tài khoản:

- Đối với vụ số 01

Tại Kết luận giám định số 409/GĐTP/2019 ngày 26/8/2019 (bút lục số 54, 55 tập 12), Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T H” dưới mục “Người nộp tiền” trên các Phiếu nộp tiền (số tiền 500.000.000d, 300.000.000 và 200.000.000d) do Ngân hàng Z Việt Nam phát hành, đề ngày 17/12/2009 so với chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị T H trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T H” dưới mục “Người nộp tiền” trên các Phiếu nộp tiền (số tiền 500.000.000d, 300.000.000 và 200.000.000d) do Ngân hàng Z Việt Nam phát hành, đề ngày 17/12/2009 so với chữ viết, chữ ký của bà Phan Thúy H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

- Đối với vụ số 02:

Theo Kết luận giám định ngày 23/9/2016 của Giám định viên tư pháp

thuộc lĩnh vực Tài chính - kế toán:

- Các phiếu chi số 58, 59, 60, 61, 62 ngày 08/7/2010 mang tính chung chung, không cụ thể, do vậy không thể xác định được khoản chi nào dùng để thanh toán các hợp đồng tín dụng nào. Các phiếu chi đều không có chữ ký của thủ trưởng đơn vị. Như vậy, về mặt hợp pháp các phiếu chi này chưa thực hiện đúng theo chế độ quy định.

- Về số tiền bà H nhận theo Phiếu chi số 62 ngày 08/7/2010: Chi nộp vào TK NHGT - H; qua giám định nhận thấy không có chứng từ chứng minh số tiền này nộp vào tài khoản nào tại Ngân hàng Z;

- Về số tiền bà H chi từ phiếu chi số 71/7 ngày 10/7/2010, nội dung: Đưa chị T - H, số tiền 2.000.000.000đ; qua giám định nhận thấy không có chứng từ chứng minh bà T đã nhận khoản chi này.

- Đối với vụ số 03:

Theo Kết luận giám định số 05/GĐ/2011 ngày 18/11/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận số 2464/C54P5 ngày 29/10/2014 của Viện Khoa học hình sự, bộ Công an:

Chữ ký dưới mục “Người gửi tiền” trên “Thẻ tiết kiệm kỳ hạn” số seri 206747 (đề ngày rút tiền 25/02/2009) với mẫu chữ ký của bà Nguyễn Thị T H là cùng một người ký ra.

Chữ ký (số 1) dưới mục “Ký xác nhận của người gửi tiền - Nguyễn Thị T H” ở góc dưới bên trái “Xác nhận tất toán thẻ tiết kiệm” đề ngày 25/02/2009 với chữ ký mẫu của bà Nguyễn Thị T H không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký và chữ viết họ tên “Phan Thúy H” dưới mục “Họ tên người lĩnh tiền” trên “Bảng kê loại loại tiền VNĐ lĩnh” đề ngày 25/02/2009 so với chữ ký và chữ viết của Phan Thúy H trên các tài liệu mẫu là chữ của cùng một người ký và viết ra).

Sao kê tài khoản thanh toán khách hàng tại Ngân hàng Y Việt Nam đối với số tài khoản 60110000208062 tên tài khoản Công ty TNHH Tâm H (Bút lục số 35 tập 5) thể hiện: Ngày 25/02/2009 Phan Thúy H nộp vào tài khoản 250.000.000đ;

- Đối với vụ số 04:

Theo Kết luận giám định số 05/GĐ/2011 ngày 18/11/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận số 2464/C54P5 ngày 29/10/2014 của Viện Khoa học hình sự, bộ Công an:

Chữ ký (số 1) dưới mục “Ký xác nhận của người gửi tiền” trên giấy “Xác nhận tất toán thẻ tiết kiệm” đề ngày 27/4/2009, chữ (số 1) dưới mục “Họ tên

người lĩnh tiền” trên “Bảng kê loại tiền ngoại tệ lĩnh” đề ngày 27/4/2009 so với chữ ký mẫu của bà Nguyễn Thị T H do cùng một người ký ra.

Chữ ký (số 02) và chữ viết họ tên “Phan Thúy H” trên “Bảng kê loại tiền ngoại tệ lĩnh” đề ngày 27/4/2009 với chữ ký và chữ viết tên của Phan Thúy H trên các tài liệu mẫu là chữ của cùng một người ký và viết ra).

- Đối với vụ số 05:

Theo Kết luận giám định số 03/GĐ ngày 10/11/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận giám định số 2463/C54-P5 ngày 03/10/2014 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an: Chữ ký trong sổ tay của bị cáo dưới nội dung ghi đưa 120.000.000đ cho bà H ngày 04/3/2009 (ký hiệu H2 bút lục số 5) so với chữ ký mẫu của bà H do cùng một người ký ra.

Sao kê tài khoản chi tiết tại Ngân hàng Z Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa đối với số tài khoản 102010000424202 của Công ty TNHH Tâm H thể hiện: Ngày 04/3/2009, tài khoản trên có phát sinh khoản tiền 120.000.000đ (Bút lục số 51 tập 8).

- Đối với vụ số 06:

Theo Kết luận giám định số 05/GĐ/2011 ngày 18/11/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận số 2464/C54P5 ngày 29/10/2014 của Viện Khoa học hình sự, bộ Công an:

Chữ ký dưới mục họ tên người lĩnh tiền trên Bảng kê loại tiền lĩnh ngày 26/02/2010 ở Ngân hàng X so với mẫu chữ ký của bà Nguyễn Thị T H là không phải do cùng một người ký ra).

- Đối với vụ số 07:

Theo Kết luận giám định số 30/GĐ/2012 ngày 29/02/2012 của Phòng Khoa học hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận giám định số 2918/C54-P5 ngày 22/10/2014 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an: Chữ ký dưới mục “Chữ ký và tên người rút tiền” trên tài liệu “Yêu cầu rút tiền” ngày 22/9/2009 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh N với chữ ký trên các tài liệu mẫu của bà Nguyễn Thị T H do cùng một người ký ra.

Chữ viết từ dòng 10 đến dòng 13 ở mục “Yêu cầu nhận tiền” trên tài liệu “Yêu cầu rút tiền” ngày 22/9/2009 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh N với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh của Phan Thúy H do cùng một người viết ra”.

- Đối với vụ số 08:

Theo Kết luận giám định số 03/GĐ ngày 10/11/2011 của Phòng Kỹ thuật

hành sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận giám định số 2463/C54-P5 ngày 03/10/2014 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an Chữ ký trong sổ tay của Phan Thúy H dưới nội dung “Ngày 02/10/2009 H rút tiền thẻ tiết kiệm VCB (gởi ngày 29/9/09) 500.000.000đ, đưa chị H” so với chữ ký của bà Nguyễn Thị T H trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

- Đối với vụ số 09:

Sao kê tài khoản chi tiết tại Ngân hàng Z Việt Nam “Chi nhánh Khánh Hòa đối với số tài khoản 102010000424202 của Công ty TNHH Tâm H (Bút lục số 62 tập 8) thể hiện: Ngày 18/12/2009, tài khoản trên có phát sinh khoản tiền 250.000.000đ.

- Đối với vụ số 11:

Theo Kết luận giám định số 03/GĐ ngày 10/11/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa và Kết luận giám định số 2463/C54-P5 ngày 03/10/2014 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an: Chữ ký trong sổ tay của Phan Thúy H dưới nội dung “Ngày 28/4/2010 rút tiền thẻ tiết kiệm V. 300.000.000d (ba trăm triệu) đưa chị H” so với chữ ký của bà Nguyễn Thị T H trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

Về các khoản tiền được giao nộp cho cơ quan điều tra:

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp cho cơ quan điều tra các khoản tiền:

- Số tiền 100.000.000đ do chị Phan Thị N nộp ngày 23/9 và 25/10/2011 cho bị cáo Phan Thúy H (bút lục số 107,108 tập 1) đã được Phòng PC 81 Công an tỉnh Khánh Hòa nộp vào Kho bạc nhà nước theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 26/11/2011 (bút lục số 111 tập số 01);

- Số tiền 429.713.500đ gồm: 15.000.000đ tạm giữ của chị Lương Thị Thu T theo Biên bản ngày 25/7/2014 (bút lục 1364 tập 19), 50.000.000đ của chị Nguyễn Thị T T theo Biên bản ngày 25/4/2014 (bút lục 1365 tập 19), 15.000.000đ của chị Nguyễn Trần Ngọc H theo Biên bản ngày 28/7/2014 (bút lục 1366 tập 19) và 349.713.500đ của Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các Biên bản ngày 21/7 và 07/8/2014 (Bút lục số 1363, 1367 tập 19) đã được Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp (PC 81) - Công an tỉnh Khánh Hòa nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT: 0004592 ngày 18.8.2014 (bút lục 1379 tập 19); Sau đó, PC 81 đã chuyển số tiền 349.713.500đ do Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa vào tài khoản số 09001010002012 của bà Nguyễn Thị T H tại Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo ủy nhiệm chi ngày 01 tháng 10 năm 2014 (bút lục số 1386 tập 19).

- Số tiền 30.000.000đ tạm giữ của chị Nguyễn Thị T T (do bà Trần Thị Hải Yến nộp theo Biên bản ngày 10/10/2014, (bút lục 1368 tập 19) đã được PC 81 nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số CT: 0005527 ngày 17/10/2014 (bút lục 1380 tập 19).

- Số tiền 100.000.000đ tạm giữ của chị Trần Thị T M theo Biên bản ngày 13/3/2015 (bút lục số 1369 tập 19) đã được PC 81 nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số CT: 0002203 ngày 04/5/2015 (bút lục 1381 tập 19).

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSKH-P1 ngày 16/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố Phan Thúy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 về hành vi chiếm đoạt 5.211.195.126đ của Công ty TNHH Tâm H và 1.666.074.293đ của bà Nguyễn Thị T H tại các vụ từ 01 đến 15.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2019/HSST ngày 15/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Căn cứ Khoản 4 Điều 175, các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Phan Thúy H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/11/2014; Thời hạn tạm giam trước (từ ngày 29/7/2011 đến ngày 25/10/2014) được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/11/2019 bị hại Nguyễn Thị T H và Công ty TNHH Tâm H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 26/11/2019 bị cáo Phan Thúy H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phan Thúy H. Đối với kháng cáo của Công ty TNHH Tâm H và bà Nguyễn Thị T H, xét thấy các yêu cầu của công ty, bà H đã được cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra bổ sung, làm rõ, nhưng không có chứng cứ nào mới để xem xét hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thúy H đã chiếm đoạt nhiều hơn số tiền mà án sơ thẩm quy kết, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của



Công ty TNHH Tâm H và bà Nguyễn Thị T H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Tâm H và bà Nguyễn Thị T H cho rằng hiện nay bà H không có mặt tại Việt Nam; Công ty không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, nên việc luật sư xin hoãn phiên tòa là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận. Trong trường hợp HĐXX không chấp nhận hoãn phiên tòa, quan điểm luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty, bà H thấy rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm khi điều tra, truy tố và xét xử; không xử lý các vi phạm của các cán bộ ngân hàng đã thông đồng, tạo điều kiện cho bị cáo chiếm đoạt tiền của công ty, của bà H nên giải quyết vụ án chưa triệt để. Do điều tra chưa đầy đủ, đề nghị HĐXX tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vấn đề luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho Công ty TNHH Tâm H và bà Nguyễn Thị T H có đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm hôm nay với lý do bà H hiện không có mặt tại Việt Nam và Công ty không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa phúc thẩm hôm nay là lần thứ hai bà Nguyễn Thị T H - vừa là người bị hại, vừa là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tâm H - tiếp tục vắng mặt, nên việc hoãn phiên tòa lần này sẽ kéo dài vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích chính đáng của bị cáo Phan Thúy H và các người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, việc luật sư có đơn xin hoãn phiên tòa là xác định được công ty TNHH Tâm H đã biết Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, do vậy căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSKH-P1 ngày 16/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố Phan Thúy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, với tổng số tiền chiếm đoạt là 6.877.269.419 đồng; trong đó: chiếm đoạt của Công ty TNHH Tâm H 5.211.195.126 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T H 1.666.074.293 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa rút một phần quyết định truy tố đối với Phan Thúy H về hành vi chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của bà H (vụ số 01) và 200.000.000 đồng của Công ty TNHH Tâm H (vụ số 14). Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa chỉ truy tố Phan Thúy H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 về hành vi chiếm đoạt số tiền 5.677.269.419 đồng, trong đó chiếm đoạt của Công

ty TNHH Tâm H số tiền 5.011.195.126 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T H số tiền 666.074.293 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T H, Công ty TNHH Tâm H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thì Phan Thúy H chỉ thừa nhận chiếm đoạt tổng số tiền là 21.599.419 đồng (gồm các khoản: 458.500 đồng tiền lãi tất toán Thẻ tiết kiệm số 206747 vào ngày 25/02/2009 (vụ số 3); 10.000.000 đồng giải ngân Hợp đồng ứng vốn số 043/HĐUV ngày 04/3/2009 (vụ số 5); 1.195.126 đồng (vụ số 6); 7.149.400 đồng (vụ số 7); 351.250 đồng (vụ số 8); 166.667 đồng (trong vụ số 9) 33.333 đồng (vụ số 10); 325.000 đồng (vụ số 11) và 1.920.143 (trong vụ số 12)); còn đối với các khoản tiền khác, Phan Thúy H cho rằng đã nhập quỹ Công ty Tâm H hoặc giao trực tiếp cho bà H hoặc chỉ theo sự chỉ đạo của bà H.

Tuy nhiên, các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Khánh Hòa đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh và xác định: Theo Kết luận giám định thì chữ ký trên Bảng kê loại tiền lĩnh khi tất toán các thẻ tiết kiệm số 206747 (vụ số 03) và thẻ số 776308 (vụ số 06) ở Ngân hàng X không phải chữ ký của bà Nguyễn Thị T H. Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Phan Thúy H đã giao số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà T (vụ số 02) cũng như H đã giao các số tiền, gồm: 458.500 đồng (vụ số 05), 351.250 đồng (vụ số 08), 33.333 đồng (vụ số 10), 325.000 đồng (vụ số 11), 458.333 đồng và 583.333 đồng (vụ số 12) cho bà H. Đối với khoản tiền 20.000 USD (vụ số 04) H có ghi trong sổ tay về việc giao tiền cho bà H, nhưng không có chữ ký xác nhận của bà H; còn các khoản tiền: 10.000.000 đồng (vụ số 05), 9.778 đồng (vụ số 06), 7.149.400 đồng (vụ số 07), 200.050.000 đồng (vụ số 12) H không chứng minh được số tiền này được mình sử dụng như thế nào. Đối với khoản tiền 878.477 đồng (vụ số 12) H cho rằng đã dùng để trả lãi vay do H vay cho Công ty trước đó, ngoài ra H chuyển cho quỹ của Văn phòng Công ty số tiền là 185.348 đồng (vụ số 06), nhưng không được bà H xác nhận và không có tài liệu, chứng cứ nào xác định sự việc này. Mặt khác, tại sổ tay (ký hiệu H1) của H ở bút lục số 05 thể hiện “... đưa chị H 1 tỉ 250 triệu còn 250 triệu nộp vào TK Cty NH C thương” ... “18/12/2009 chị H lấy đi Sài Gòn 1 tỉ và 100 triệu, còn 150 triệu nhập quỹ” (ở vụ số 09 và vụ số 13), nhưng nội dung này bà H không thừa nhận. Hơn nữa, chị Võ Thị Hoài H cho rằng chị chỉ xác nhận nội dung liên quan đến số tiền H đưa chị nhập quỹ, còn việc H đưa tiền cho bà H hay không chị không biết và không xác nhận. Ngoài ra, Phan Thúy H cũng không thừa nhận có nhận 2.000.000.000 đồng (vụ số 15) mà cho rằng chỉ nhận từ ông T số tiền 1.800.000.000 đồng và không phải nhận ngày 17/11/2009, nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cả H và ông Phan Ngọc T đều xác nhận H chỉ nhận tiền từ ông T đưa duy nhất một

lần; trong các khoản “tiền vay anh S” tại sổ tay của H (ký hiệu H1, bút lục số 06) cũng thể hiện ngày 16/11/09 có khoản vay 2.000.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của bà Nguyễn Thị T H phù hợp với nội dung bản tường trình và lời khai ban đầu ông T tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung H ghi trong sổ tay và phù hợp với diễn biến vụ việc, nên có cơ sở xác định ngày 17/11/2009, bị cáo đã nhận từ ông T số tiền 2.000.000.000 đồng (khoản tiền vay của ông Lương Phan S ngày 16/11/2009) nhưng sau đó không được bị cáo nhập vào quỹ Công ty theo yêu cầu của bà H.

Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng (vụ số 01) và hành vi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng (vụ số 14), đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cho rằng: Căn cứ Kết luận giám định số 409/GĐTP/2019 ngày 26/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa thì Phan Thúy H là người viết và ký tên trên các giấy nộp tiền mở các thẻ tiền gửi tiết kiệm số 124010012958432, số 124010012958654 và số 124010012958562 ngày 17/12/2009 tại Ngân hàng Z Khánh Hòa. Mặt khác, không có cơ sở xác định Phan Thúy H là người nhận khoản tiền 200.000.000 đồng tại phiếu chi số 28/6 ngày 06/6/2009. Vì vậy, không có cơ sở xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Thúy H về hành vi chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của bà H và 200.000.000 đồng của Công ty TNHH Tâm H.

Như vậy, căn cứ vào kết quả điều tra cụ thể nêu trên, các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm quy kết Phan Thúy H đã lợi dụng sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị T H khi được ủy quyền và giao nhiệm vụ, chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH Tâm H và của cá nhân bà H với tổng số tiền 5.677.269.419 đồng, trong đó chiếm đoạt của Công ty TNHH Tâm H với số tiền 5.011.195.126 đồng (các vụ số 02, 05, 06, 08, 13 và 15) và chiếm đoạt của cá nhân bà H với số tiền 666.074.293 đồng (các vụ số 03, 04, 07, 09, 10, 11 và 12) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T H cho rằng Các quan tiến hành tố tụng tỉnh Khánh Hòa quy kết số tiền Phan Thúy H đã chiếm đoạt là chưa đầy đủ, vì thực tế H còn chiếm đoạt nhiều khoản khác, như trong nhiều đơn đề nghị Bà đã gửi cho các cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành điều tra bổ sung nhiều lần và kết luận không đủ căn cứ để quy kết Phan Thúy H chiếm đoạt các khoản tiền như yêu cầu của người bị hại (ngoài các khoản đã kết luận) và có khoản là quan hệ dân sự vay mượn; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng xác định không đủ căn cứ để quy kết Phan Thúy H chiếm đoạt các khoản tiền như yêu cầu của người bị hại vì không có căn cứ vững chắc để chứng minh, từ đó không truy tố đối với các nội dung mà người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại yêu cầu. Vì vậy, Tòa án cấp

sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị T H và Công ty TNHH Tâm H có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, sau đó gửi kèm theo đơn đề nghị, nêu lại những yêu cầu như trong nhiều đơn đề nghị Bà đã gửi cho Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm, tuy nhiên bà H và Công ty TNHH Tâm H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Việc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty TNHH Tâm H, bà Nguyễn Thị T H yêu cầu điều tra hành vi vi phạm pháp luật của các cán bộ, viên chức các Ngân hàng liên quan, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định đình chỉ bị can nên hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Phan Thúy H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên toà phúc thẩm, Phan Thúy H thừa nhận đã lợi dụng sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị T H trong việc giải ngân hợp đồng vay vốn của Công ty Tâm H và trong việc tắt toán các thẻ tiết kiệm mang tên bà Nguyễn Thị T H để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T H và của Công ty TNHH Tâm H các khoản tiền, nhưng vì vụ án xảy ra đã lâu nên bị cáo không nhớ chi tiết cụ thể, bị cáo mong được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH Tâm H và của cá nhân bà H là 5.677.269.419 đồng, nên đã phạm vào tình tiết định khung quy định tại khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nhưng do thay đổi về chính sách pháp luật Hình sự, khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của cá nhân bà Nguyễn Thị T H và Công ty TNHH Tâm H, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương; bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và số tiền chiếm đoạt rất lớn, nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, xét thấy quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo các nội dung, sự việc bị cáo nhớ được chính xác và tỏ ra ăn năn, hối cải; người thân của bị cáo khắc phục một phần hậu quả (số tiền bị cáo đã cho mượn trước đó), cha chồng của bị cáo là người có công với nước nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình

sự, tuyên phạt bị cáo 12 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt nên thỏa đáng, tương xứng với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra thể hiện thái độ thực sự ăn năn, hối cải, mặt khác trong vụ án này bị cáo đã bị tạm giam hơn 09 năm trong Trại tạm giam, do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên không thuộc trường hợp được xem xét giảm án tha tù hằng năm theo quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH Tâm H và của bà H với tổng số tiền là 5.677.269.419 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH Tâm H số tiền đã chiếm đoạt là 5.011.195.126 đồng và phải bồi thường số tiền 666.074.293 đồng đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T H là đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T H đã nhận lại số tiền 349.713.500 đồng Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa nộp, trong đó có 249.576.000 đồng để khắc phục khắc phục thiệt hại do việc tắt toán thẻ tiết kiệm số 206747 ngày 25/02/2009 (ở vụ số 03) và thẻ tiết kiệm số 356916 ngày 27/4/2009 (ở vụ số 4). Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH Tâm H 5.011.195.126đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thị T H số tiền: 666.074.293đồng - 249.576.000đồng = 416.498.293 đồng và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam số tiền 249.576.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6]. Do được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bà Nguyễn Thị T H và Công ty TNHH Tâm H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 351; Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phan Thúy H; không chấp nhận kháng cáo của của bà Nguyễn Thị T H và Công ty TNHH Tâm H. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phan Thúy H 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày 10/11/2014, được trừ thời hạn tạm giam trước (từ ngày 29/7/2011 đến ngày 25/10/2014) vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

3. Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phan Thúy H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T H số tiền 416.498.293 đồng (*Bốn trăm mười sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*) và bồi thường cho Công ty TNHH Tâm H số tiền 5.011.195.126 đồng (*Năm tỉ mười một triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*) và phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam số tiền 249.576.000d (*Hai trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo Phan Thúy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các nội dung, quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Minh Tuấn**